TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 5 - 2018
"V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Đức Hoài**

2. Bà **Nguyễn Thanh Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn H**, sinh năm 1994

Địa chỉ: khu phố A (trước đây là khu phố B) phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Theo hộ khẩu 190659789 ngày 19/7/2017).

(Năm 2015 có nơi cư trú: Ấp 2, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai)

2. Bị đơn: Chị **Trương Thanh T**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Anh H có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Vũ Văn H trình bày như sau:

Anh Vũ Văn H và chị Trương Thanh T chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 05/02/2015. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ ngày 03/01/2017 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Văn Đ, sinh ngày 16/02/2015, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh H tự nguyện giao con Vũ Văn Đ cho T tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị T mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Trương Thanh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), nhưng chị T không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; giấy khai sinh tên Vũ Văn Đức và 02 biên bản xác minh ngày 21/3/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo biên bản xác minh ngày 21/3/2018 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp X cho thấy anh H và chị T chung sống với nhau năm 2015, vợ chồng có 01 con chung tên Vũ Văn Đ - sinh ngày 16/02/2015 hiện đang sống với chị T;

Và biên bản xác minh ngày 21/3/2018 làm việc với người thân của chị T, thì được biết anh H và chị T sống ly thân ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay, nguyên nhân là do anh H thường xuyên ăn nhậu và đánh đập chị T, vợ chồng có 01 đứa con tên Vũ Văn Đức, sinh ngày 16/02/2015 hiện chị T đang nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh H giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng tự cấp dưỡng bên ngoài, yêu câu Tòa án không ghi nhận vào bản án;

Chị T vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Vũ Văn H đối với chị Trương Thanh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H xin ly hôn với chị T, bị đơn chị T có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T cưới nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy Chứng nhận kết hôn số 04/2015 ngày 05/02/2015 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp;

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H xin được ly hôn với chị T, do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, anh chị đã ly thân từ ngày 03/01/2017 cho đến nay. Còn chị T thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm, trở về đoàn tụ nhưng chị T không hợp tác và cũng không trình

bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H;

Tuy nhiên, qua xác minh ngày 21/3/2018 ý kiến của đại diện Ban lãnh đạo ấp và người thân của chị T đã xác định, trong quá trình vợ chồng chị T anh H chung sống thì anh H thường xuyên ăn nhậu, đánh đập chị T nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay (Bút lục 27, 28). Tại phiên tòa hôm nay, anh H cương quyết xin ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của anh H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Căn cứ giấy khai sinh số 30/2015 ngày 28/02/2015 quyển số 01/2015 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định anh H và chị T có 01 người con chung tên Vũ Văn Đ, sinh ngày 16/02/2015. Khi ly hôn anh H đồng ý giao cháu Vũ Văn Đ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng (hiện tại cháu Đ đang sống cùng chị T) là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh H;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng tự cấp dưỡng bên ngoài, yêu cầu Tòa án không ghi nhận vào bản án; còn phía chị T không yêu cầu gì về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét;

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh H, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do anh H là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận theo quy định các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa anh Vũ Văn H và chị Trương Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2015 do Uỷ ban nhân dân xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 05/02/2015 đương nhiên hết hiệu lực kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Văn Đ, sinh ngày 16/02/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Hiện cháu Đ đang sống chung với chị T);

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai đươc ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con;

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu, anh H đồng ý cấp dưỡng nhưng tự thực hiện yêu cầu không đề cập trong bản án nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H khai nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Vũ Văn H có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai

thu số 0007182 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã T, Tp. B, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đức Hoài **Nguyễn Thanh Nguyên** **Trần Thị Chọn**